TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HS-ST
Ngày: 13/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thảo
2. Ông Nguyễn Hòa Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Ưng Minh H, sinh ngày 01/12/1996 tại A, Gia Lai; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ưng Văn V và bà Trương Thị D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bà Lâm Thị C, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Đinh Thị Cẩm D, sinh năm 1994; trú tại: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Trịnh Thị N, sinh năm 1991; trú tại: Thôn N, xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

3. Ưng Minh N1, sinh năm 1992; trú tại: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau: Ưng Minh H thường uống cà phê tại quán Đ ở tổ B, phường T, thị xã A, H thấy nhà ông Nguyễn Gia T gần đó có trồng nhiều phong lan nên Hiếu nảy sinh ý định trộm cắp lan bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/7/2019, H lấy 02 bao tải màu xanh và 01 cái kéo bỏ vào cánh tay áo khoác của mình rồi điều khiển xe mô tô 81G1-187.86 đến góc đường T và đường L thuộc tổ B, phường T dựng xe tại đây. Sau đó, H đi bộ đến góc tường rào giáp giữa vườn nhà bà Lâm Thị C rồi trèo tường vào bên trong vườn bà C, H cầm điện thoại bật chế độ chiếu sáng đi tới gốc cây nhãn thấy chậu phong lan Thuỷ Tiên trên cành cây, H gỡ chậu lan xuống để dưới gốc cây. Lúc này, H đến hàng rào giáp ranh giữa nhà ông Nguyễn Gia T và bà Lâm Thị C dùng kéo cắt lưới B40 tạo T lỗ trống rồi chui vào trong vườn nhà ông T. H dùng kéo cắt 06 cây phong lan tên Nghinh Xuân trong nhà ông Th để xuống nền đất, H đập bể 01 chậu đất có kích thước (32x17x14) lấy cây phong lan tên Nghinh Xuân cầm trên tay, H quay lại lấy 05 cây phong lan tên Nghinh Xuân mà H cắt bỏ dưới nền rồi chui ra lỗ trống lưới B40 qua nhà bà C, lấy chậu lan Thủy tiên H bỏ tất cả vào 02 bao tải rồi ném qua tường rào. Sau đó, H điều khiển xe mô tô 81G1-187.86 chở 02 bao tải chứa cây phong lan trộm được đến bên hông Hội trường H phường A, thị xã A cất giấu. Đến khoảng 13 giờ ngày 07/7/2019, H mang 02 bao phong lan đến nhà Đinh Thị Cẩm D (D là người yêu của H) ở Tổ B, phường A, thị xã A trồng 06 cây Nghinh Xuân vào trong 06 chậu. Đến ngày 10/7/2019, H gọi điện thoại cho Trịnh Thị N để bán lan, N đồng ý đến nhà D xem và đồng ý mua 05 chậu phong lan tên Nghinh Xuân với giá 1.500.000 đồng. Vì N không đủ tiền nên H đưa số tài khoản cho N để về chuyển tiền cho H. Chị N mang 05 cây phong lan tên Nghinh Xuân đi về nhà, khi đến Ngã ba C, thuộc huyện Đ khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày thì có người theo dõi nói với chị N là phong lan chị mua là do trộm cắp nên chị N gọi H đến giải quyết. H điều khiển xe 81G1-003.20 của Ưng Minh N1 (là anh trai của H) đi lên Ngã ba C, huyện Đ thì bị cơ quan Công an thị xã A phát hiện đưa về làm việc. H thừa nhận đã trộm cắp các cây phong lan nói trên của ông T, bà Chín vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/7/2019.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78/KLĐGTS ngày 01/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A xác định: 06 chậu phong lan tên Nghinh Xuân và 01 chậu phong lan tên Thủy Tiên của ông Nguyễn Gia T và bà Lâm Thị C trị giá 6.700.000 (*Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*). Tại Bản kết luận định giá tài sản số 85/KLĐGTS ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A xác định: 01(một) chậu để trồng phong lan bằng đất nung, kích thước (32x17x14)cm của ông Nguyễn Gia T trị giá: 40.000 đồng (*Bốn mươi nghìn đồng*).

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 (một) chậu phong lan tên Thuỷ Tiên của bà Lâm Thị C; 06 (sáu) cây phong lan tên Nghinh Xuân của ông Nguyễn Gia T: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 81G1-003.20, nhãn hiệu Yamaha, số loại SIRIUS, màu trắng đen, số máy 5C64471210, số khung C640BY471210 của Ưng Minh N1; 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 81G1-187.86, nhãn hiệu HONDA, số máy JF66B0734956, số khung 5818GY349836 của Đinh Thị Cẩm D. Các vật chứng này cơ quan cảnh sát điều tra đã xử

lý trả lại cho các chủ sở hữu. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản, không có ý kiến hay yêu cầu gì. Thu giữ của Ưng Minh H các đồ vật gồm: 01(một) cái kéo bằng kim loại dài 27cm, lưỡi kéo dài 16cm, cán quấn bằng dây nhựa màu vàng đỏ; 02(hai) bao tải PP hình chữ nhật, màu xanh (Bao thứ nhất kích thước (118x60)cm, rách ở một mặt dài 115cm, vị trí rách cách hai góc mép bao lần lượt là 26cm và 26cm; Bao thứ hai kích thước (115x63)cm, rách ở một mặt dài 106cm, vị trí rách cách hai mép bao lần lượt là 12cm và 42cm); 01(một) điện thoại di động màu đen, hiệu Masstel, có số IMEI 1 là 359366091197330, kèm theo 01 sim điện thoại Viettel 4G có số seri 8984048000032005379, số vật chứng thu của bị cáo H đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Về dân sự: Các bị hại không có yêu cầu gì.

Tại Bản cáo trạng số 45/CTr-VKS ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Ưng Minh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo có ý định trộm cắp cây phong lan để bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/7/2019 một mình bị cáo đã lén lút trộm cắp của bà Lâm Thị C 01 chậu phong lan tên Thuỷ Tiên, trộm cắp của ông Nguyễn Gia T 06 cây phong lan tên Nghinh Xuân như bản cáo trạng đã mô tả. Sau khi trộm cắp được bị cáo có bán cho chị Trịnh Thị N với giá tiền 1.500.000đ nhưng chưa nhận tiền, thì bị Công an phát hiện bắt giữ thu số phong lan trên trả lại cho ông T, bà C. Hôm nay, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị hại ông Nguyễn Gia T tại phiên tòa: Vào tối ngày 06/7/2019 nhà ông bị kẻ gian vào vườn nhà cắt lưới B40 lấy trộm 06 cây phong lan tên Nghinh Xuân, ông đã mua từ 500.000đ đến 1.000.000đ/01 cây và đã cây trồng từ năm 2015 cho đến nay. Theo ông T trị giá tất cả 06 chậu phong lan khoảng 17.500.000đ. Sau đó đến ngày 10/7/2019 ông T phát hiện hai người phụ nữ cầm 05 cây phong lan tên Nghinh Xuân của ông đã bị mất trộm, đứng ở gần Phòng Giao dịch Ngân hàng Sacombank, đường H, thị xã A nên ông làm đơn báo Công an. Sau đó, Công an điều tra thì ông biết được Ưng Minh H đã trộm cắp 06 cây phong lan tên Nghinh Xuân của ông. Công an thị xã A đã trả lại cho ông đầy đủ nên ông không yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa bị hại bà Lâm Thị C trình bày: Nhà bà cạnh nhà ông T, vào tối ngày 06/7/2019 nhà bà cũng bị kẻ gian vào vườn nhà lấy trộm 01 cây phong lan tên Thủy Tiên có hoa màu vàng. Đến ngày 10/7/2019 ông T nói với bà là Công an đang điều tra vụ mất phong lan của ông T ngày 06/7/2019 nên bà làm đơn báo Công an vào ngày 10/7/2019. Sau đó, Công an điều tra thì bà biết được Ưng Minh H đã trộm cắp 01 cây phong lan tên Thủy Tiên của bà. Công an thị xã A đã trả lại cho bà đầy đủ nên bà không yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa chị Đinh Thị Cẩm D khai, chị D là người yêu của Ưng Minh H được khoảng 4 năm. Tối ngày 05/7/2019 H có đến nhà D, sau đó H chở D bằng xe mô tô của D, biển kiểm soát 81G1-187.86 cùng đi uống cà phê đến khoảng 22 giờ H

chở chị D về nhà D và H mượn xe của chị D đi về nhà H. Đến ngày 07/7/2019 thì H có đến trả xe cho chị D và có cầm 5-6 cây lan tên Nghinh Xuân và 01 cây lan tên Thủy Tiên ra vườn lan nhà chị D để trồng vào các chậu. Lúc này, chị D đang may quần áo trong nhà, thấy H đem phong lan đến nên hỏi thì H nói là mua ở K để về được giá thì bán, chị D không để ý mà tiếp tục may quần áo. Đến khoảng 13 giờ ngày 10/7/2019 có chị N ở Đ đi cùng với 1 chị nữa đến nhà chị D ra vườn nhà chị D để mua phong lan của H, chị D bận may quần áo trong nhà không để. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì H lấy xe của chị đi, khoảng 30 phút sau, có hai người phụ nữ và 1 người đàn ông đến vườn lan nhà chị D nói số lan này do H trộm cắp nên đem các cây lan Nghinh Xuân và Thủy Tiên mà H mới đem về. Sự việc H trộm phong lan của ông T và bà C chị D không biết. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81G1-187.86 chị D đã nhận lại nên không yêu cầu gì.

Lời khai của chị Trịnh Thị N trong hồ sơ, chị thường mua bán phong lan và quen biết Đinh Thị Cẩm D và Ưng Minh H qua mạng xã hội. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/7/2019 H có điện thoại cho chị N nói có bán phong lan tên Nghinh Xuân và chỉ địa điểm là nhà của D. Khoảng 12 giờ cùng ngày chị N rủ chị T cùng đi mua phong lan của H. Khi đến nhà D thấy D đang may quần áo trong nhà, chị N đi ra ngoài vườn cùng H. H bán cho chị N 05 cây phong lan tên Nghinh Xuân với giá là 1.500.000đ, chị N đồng ý mua nhưng không đủ tiền nên lấy số tài khoản của H để về nhà chuyển tiền cho H. Chị N cùng chị T đem 05 cây phong lan đã mua của H ra đường H, thị xã A thì có người đàn ông đến hỏi mua và xem xong ông ta không mua. Chị N đi về nhà thì người đàn ông này đi theo, đến ngã ba C, thuộc huyện Đ thì người này chạy đến nói các cây lan đó của ông ta bị mất trộm nên chị N có gọi điện cho H đến giải quyết, khi H đến, chị trả các cây lan cho H và cùng chị T đi về. Sự việc H trộm cắp phong lan chị N không biết, chị nghĩ các cây lan đó của H nên mới mua, chị N cũng chưa trả tiền cho H nên cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ưng Minh H phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36, Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Ưng Minh H từ 24 tháng đến 32 tháng cải tạo không giam giữ và khấu trừ 05 đến 10% thu nhập của bị cáo H trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước. Về vật chứng: 01(một) cái kéo bằng kim loại dài 27cm, lưỡi kéo dài 16cm; 02(hai) bao tải PP hình chữ nhật, màu xanh và 01 sim điện thoại Viettel 4G có số seri 8984048000032005379 không có giá trị nên tiêu hủy. Đối với 01(một) điện thoại di động màu đen, hiệu Masstel, có số IMEI 1 là 359366091197330, tịch thu sung quỹ. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra,

truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 02 giờ 00 phút ngày 06/7/2019 một mình bị cáo đã lén lút trộm cắp của bà Lâm Thị Chín 01 chậu phong lan tên Thuỷ Tiên, trộm cắp của ông Nguyễn Gia T 06 cây phong lan tên Nghinh Xuân, trị giá tổng tài sản trộm cắp là 6.700.000 (*Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm được đã thu hồi trả lại cho bị hại đầy đủ và tại phiên tòa các bị hại đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc mẹ bị cáo. Vì thế, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên cần xét xử nghiêm. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[7] Đối với Trịnh Thị N là người mua phong lan mà bị cáo H trộm cắp, qua điều tra không có chứng cứ chứng minh chị Ngân phạm tội. Vì thế, không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với chị N.

[8] Đối với Đinh Thị Cẩm D là người yêu bị cáo H, H đã để các cây phong lan trộm cắp tại nhà D nhưng D không biết đó là tài sản trộm cắp. Qua điều tra không có chứng cứ chứng minh chị D phạm tội vì thế, không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với chị D.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã trả lại cho các bị hại đầy đủ và không có yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về vật chứng: Các vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên không đề cập. Đối với 01(một) cái kéo bằng kim loại dài 27cm, lưỡi kéo dài 16cm, cán quấn bằng dây nhựa màu vàng đỏ; 02(hai) bao tải PP hình chữ nhật, màu xanh và 01 sim điện thoại Viettel 4G có số seri 8984048000032005379, không có giá trị nên tiêu hủy. Đối với 01(một) điện thoại di động màu đen, hiệu Masstel, có số IMEI 1 là 359366091191330, H dùng bật đèn sáng khi trộm cắp tài sản và liên lạc để bán số phong lan trộm cắp được nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Ưng Minh H, phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2. Xử phạt bị cáo cáo Ưng Minh H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ưng Minh H cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Khấu trừ 05% (Năm phần trăm) thu nhập của bị cáo Ưng Minh H trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cái kéo bằng kim loại dài 27cm, lưỡi kéo dài 16cm, cán quấn bằng dây nhựa màu vàng đỏ; 02(hai) bao tải PP hình chữ nhật, màu xanh (Bao thứ nhất kích thước (118x60)cm, rách ở một mặt dài 115cm, vị trí rách cách hai góc mép bao lần lượt là 26cm và 26cm. Bao thứ hai kích thước (115x63)cm, rách ở một mặt dài 106cm, vị trí rách cách hai mép bao lần lượt là 12cm và 42cm) và 01 sim điện thoại Viettel 4G có số seri 8984048000032005379.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01(một) điện thoại di động màu đen, hiệu Masstel, có số IMEI 1 là 359366091191330, (Vật chứng mô tả theo biên bản giao nhận giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án thị xã A ngày 11/10/2019).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Ưng Minh H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/11/2019). Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Trung Toàn